

98/15

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 474 /BC-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2018



BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Nghị quyết của Quốc hội
về hoạt động chất vấn của Quốc hội
trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư**

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: .. 12.10.18

Kính gửi:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Các vị đại biểu Quốc hội

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội từ đầu kỳ họp đến hết kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV về hoạt động chất vấn, Chính phủ trình Quốc hội Báo cáo tình hình thực hiện các Nghị quyết số 44/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 tại kỳ họp thứ 3 và Nghị quyết số 55/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại kỳ họp thứ 4 trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 44/2017/QH14 CỦA QUỐC HỘI VỀ CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN KỲ HỌP THỨ 3 QUỐC HỘI KHÓA XIV

1. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật theo hướng bảo đảm đơn giản hóa các thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư công, tránh chồng chéo, mâu thuẫn

Kỷ luật trong hoạt động đầu tư công có bước được cải thiện đáng kể ở các cấp và các ngành. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước phù hợp với quy định hiện hành. Tỷ lệ các dự án chậm tiến độ, dự án phải điều chỉnh trong năm giảm.¹

Trên tinh thần quán triệt và thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về tái cơ cấu đầu tư công, Luật Đầu tư công được Quốc hội

¹ Tỷ lệ dự án chậm tiến độ giảm từ mức 7,1% năm 2014 xuống còn 3,2% năm 2016 và 3,1% năm 2017. Tỷ lệ dự án thực hiện đầu tư trong năm phải điều chỉnh giảm từ mức 9,5% năm 2014 xuống còn 6,7% năm 2016 và 5% năm 2017.

thông qua tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIII (tháng 6/2014) và áp dụng lần đầu tiên là một bước đột phá quan trọng; tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch để quản lý toàn bộ quá trình đầu tư công, từ chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư, triển khai thực hiện kế hoạch; theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch đầu tư công.

Để triển khai thực hiện Luật Đầu tư công, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Chính phủ ban hành 08 Nghị định² và ban hành theo thẩm quyền 07 thông tư hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương trong việc: quy định về mẫu báo cáo và giám sát đầu tư; hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt, đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP); về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước; quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công; và quy định và hướng dẫn một số nội dung tại Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn cơ bản đã đáp ứng yêu cầu triển khai Luật Đầu tư công, đặc biệt là những nội dung đổi mới của Luật như: quy trình quyết định chủ trương đầu tư; lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn; công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công (bao gồm cả việc xây dựng hệ thống thông tin về đầu tư công).

Sau hơn 3 năm thực hiện Luật Đầu tư công, tuy đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng trong quá trình triển khai thực hiện Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn còn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc. Chính phủ đã họp và cho ý kiến đối với dự án Luật Đầu tư công sửa đổi, giao cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến của Chính phủ, hoàn thiện dự án

² Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 về giám sát và đánh giá đầu tư;

Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia.

Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/05/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Luật đề trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV và xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 7.

Công tác hoàn thiện thể chế về đầu tư công có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là gần đây Chính phủ mới ban hành Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, 136/2015/NĐ-CP và 161/2016/NĐ-CP và dự án Luật Đầu tư công (sửa đổi) trình Quốc hội tại Kỳ họp 6 đã sửa đổi, bổ sung nhiều hướng dẫn quan trọng nhằm tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công và tạo ra hệ thống pháp luật quản lý quá trình đầu tư công đồng bộ, công khai, minh bạch. Ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư nhằm tạo khuôn khổ pháp lý thông thoáng, hấp dẫn để thu hút đầu tư của khu vực tư nhân trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Chuẩn bị ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2015/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

2. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm của các cấp trong quản lý đầu tư công, khắc phục tình trạng giao vốn chậm; tập trung bố trí đủ vốn cho các dự án được ưu tiên đảm bảo tiến độ, không để tình trạng kéo dài, đội vốn đầu tư, thất thoát, lãng phí

a) Tình hình giao và thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội³, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 2131/QĐ-TTg giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018 và Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2018 lần 1 tại Quyết định số 1972/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2017 với số vốn là 384.135,856 tỷ đồng. Kế hoạch đầu tư công năm 2018 phần còn lại đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục giao lần 2 tại Quyết định số 794/QĐ-TTg và số 963/QĐ-BKHĐT ngày 28/6/2018 là 3.945,415 tỷ đồng. Tổng vốn ngân sách nhà nước đã giao kế hoạch năm 2018 là 388.081,7 tỷ đồng, bằng 97,1% kế hoạch được Quốc hội phân bổ. Số vốn đầu tư còn lại chưa đủ điều kiện giao cho các bộ, ngành và địa phương là 11.618,3 tỷ đồng, bằng 6,2% kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương được Quốc hội giao. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các văn bản hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương rà soát và điều chỉnh phương án phân bổ số kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2018

³ Nghị quyết số 49/2017/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2017 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Nghị quyết số 50/2017/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2017 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2018, Quốc hội đã thông qua tổng số kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 là 399.700 tỷ đồng, trong đó: vốn trong nước: 339.700 tỷ đồng (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ là 50.000 tỷ đồng), vốn nước ngoài: 60.000 tỷ đồng.

chưa đúng quy định còn lại nêu trên.

b) Sơ kết 03 năm thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, một số kết quả tích cực đã đạt được như:

- Tỷ trọng đầu tư công trên GDP dịch chuyển tích cực, phù hợp với các mục tiêu về cơ cấu lại đầu tư công đã đề ra⁴.

- Cơ cấu vốn đầu tư công dịch chuyển theo hướng phù hợp hơn với các định hướng đầu tư trong giai đoạn 2016-2020.

- Hiệu quả đầu tư toàn nền kinh tế bước đầu tăng lên, việc sử dụng vốn đầu tư xã hội nói chung và vốn đầu tư công nói riêng được cải thiện⁵.

- Giải ngân vốn đầu tư công đã từng bước được cải thiện nhờ những nỗ lực tháo gỡ khó khăn của Chính phủ, bằng việc ban hành và thực hiện 02 Nghị quyết quan trọng, số 60/NQ-CP năm 2016, số 70/NQ-CP năm 2017 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các Phiên họp Chính phủ thường kỳ, các buổi làm việc của Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, ngành, địa phương và tại Công văn số 6609/VPCP-KTTH ngày 13 tháng 7 năm 2018.

- Khắc phục cơ bản tình trạng quyết định chủ trương và quyết định đầu tư tùy tiện, không căn cứ khả năng cân đối vốn⁶.

- Khắc phục tình trạng các dự án đầu tư vượt quá kế hoạch vốn được giao, gây nợ đọng xây dựng cơ bản, quản lý chặt chẽ việc ứng trước dự toán kế hoạch đầu tư công.

- Khắc phục tình trạng kế hoạch đầu tư công bị cắt khúc thông qua việc đổi mới công tác lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công, chuyển từ lập kế hoạch hằng năm sang kết hợp giữa kế hoạch trung hạn và hằng năm. Những nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng và các dự án quan trọng quốc gia theo các Nghị quyết của Quốc hội đều được cân đối và bố trí vốn đầy đủ.

- Đổi mới phương thức lập, giao và theo dõi kế hoạch theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống thông tin về đầu tư công giúp việc giao kế hoạch được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện, bảo đảm tiến độ thời gian đồng thời tạo sự công khai, minh bạch của hoạt động đầu tư công, làm cơ sở theo dõi, đánh giá và rà soát công tác thực hiện chương trình dự án đầu tư công, điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công.

⁴ Tính đến năm 2017, tỷ trọng vốn đầu tư của nhà nước giảm xuống còn 34,8% so với tổng đầu tư toàn xã hội (mục tiêu là 31-34%), và còn 11,6% GDP (mục tiêu là 10-11%).

⁵ Hệ số ICOR giảm từ 6,36 của giai đoạn 2011-2014 xuống còn 6,11 trong giai đoạn 2015-2017, tỷ lệ các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng tăng.

⁶ Tổng số dự án của Kế hoạch đầu tư công trung hạn là 9.620 dự án (không bao gồm các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia), chỉ bằng khoảng 50% so với giai đoạn trước về số dự án. Trong đó, số dự án hoàn thành trong giai đoạn đạt 65,4%; số dự án chuyển tiếp sang giai đoạn sau khoảng 4,3%; số vốn bố trí bình quân cho một dự án đạt khoảng 35,5 tỷ đồng/1 dự án, tăng 35,8% so với giai đoạn trước.

- Thông tin theo dõi, giám sát các dự án đầu tư công từng bước được hệ thống hóa và số hóa, thông qua việc đưa vào vận hành hệ thống quản lý đầu tư công tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, một số thông tin được công khai hóa, như tốc độ giải ngân của từng đơn vị hàng tháng, góp phần tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với đầu tư công.

c) Các tồn tại, hạn chế

Bên cạnh các kết quả nêu trên, phương án phân bổ và thực hiện kế hoạch 3 năm qua 2016-2018 cũng còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Khả năng cân đối ngân sách nhà nước để bố trí vốn thực hiện hằng năm còn gặp nhiều khó khăn, tỷ trọng chi đầu tư thấp (chỉ đạt khoảng 25%), tổng số vốn đầu tư trung hạn cân đối cho các chương trình mục tiêu theo Nghị quyết số 73/NQ-CP chỉ đạt khoảng 53% nhu cầu.

- Việc hoàn thiện thủ tục và lựa chọn dự án để đưa vào kế hoạch đầu tư trung hạn còn nhiều bất cập, nguyên nhân là do lần đầu tiên thực hiện các quy định của Luật Đầu tư công, các bộ, ngành, địa phương lúng túng trong triển khai thủ tục và chưa có giải pháp cụ thể để lựa chọn các dự án tối ưu.

- Việc phân bổ vốn chi tiết cho từng dự án còn nhiều hạn chế⁷. Bên cạnh đó, một số bộ, ngành, địa phương vẫn còn tư duy phân bổ dàn trải, phân tán, dự kiến quá nhiều dự án đưa vào danh mục.

- Việc giao chi tiết kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm đôi khi còn chậm và nhiều lần. Việc giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 của các bộ, ngành và địa phương trong 6 tháng đầu năm đã có chuyển biến tích cực so với cùng kỳ năm 2017 nhưng vẫn chậm so với kế hoạch đầu tư công đã được giao.

d) Các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trong thời gian tới

- Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về quản lý đầu tư, tháo gỡ kịp thời các rào cản khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công, trong đó: sớm hoàn thiện dự thảo Dự án Luật Đầu tư công sửa đổi trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khóa XIV và việc ban hành các Nghị định hướng dẫn.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công đã được quy định tại Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp về cơ cấu lại ngân sách nhà nước,

⁷ Do nguồn vốn cân đối hạn hẹp, chưa đáp ứng nhu cầu, một số bộ, ngành, địa phương sau khi thanh toán nợ đọng, hoàn ứng và bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, gần như không còn đủ vốn để bố trí vốn cho các dự án khởi công mới

trong đó tăng tỷ trọng chi đầu tư hợp lý, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đánh giá để hoàn thiện cơ chế ngân sách nhà nước, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương.

- Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức hợp tác công tư (PPP). Hoàn thiện thể chế và tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức này nhằm huy động bổ sung thêm nguồn vốn NSNN thực hiện đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công, bảo đảm lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực thực hiện dự án theo đúng tiến độ quy định.

- Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cụ thể. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công định kỳ hoặc đột xuất theo chế độ báo cáo quy định; trong đó, phải đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

- Các bộ, ngành và địa phương:

+ Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công năm 2018 theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ.

+ Chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường công tác giám sát thi công, kiểm tra chất lượng công trình, thường xuyên tổ chức kiểm tra tại hiện trường, đôn đốc nhắc nhở các đơn vị thi công nghiêm túc triển khai thi công công trình, kiên quyết xử lý vi phạm trong thực hiện hợp đồng thi công. Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm phát triển Quỹ đất, Ban Đền bù giải phóng mặt bằng xử lý những vướng mắc, khó khăn trong giải phóng mặt bằng.

3. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, triển khai mở rộng các hình thức đầu tư để huy động từ khu vực tư nhân

a) Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp

Trong thời gian qua, Chính phủ đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cụ thể là: tăng cường và triển khai có hiệu quả các Nghị quyết số 19/NQ-CP, Nghị quyết số 35/NQ-CP, Chỉ thị số 26/CT-TTg, Chỉ thị số 07/CT-TTg để đẩy mạnh hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Chỉ thị số 20/CT-TTg về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh

ng nghiệp, Nghị quyết số 75/NQ-CP về giảm mức phí, chi phí đầu vào cho doanh nghiệp

b) Về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 34/2018/NĐ-CP, Nghị định số 38/2018/NĐ-CP, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP; đang hoàn thiện và chuẩn bị ban hành Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV.

Đồng thời, ngày 15/6/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg về tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV. Trong đó, tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao cho Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, các cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, gồm: hoàn thiện khung khổ pháp luật có liên quan; triển khai các đề án, chương trình, nội dung hỗ trợ DNNVV; tuyên truyền phổ biến pháp luật...

Trong 9 tháng đầu năm 2018, trên địa bàn cả nước đã có tổng số 15 tỉnh/thành phố ban hành các văn bản, kế hoạch, nghị quyết và chương trình hỗ trợ DNNVV tại địa phương.

Để hỗ trợ các địa phương đẩy mạnh việc triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức các Hội nghị quán triệt triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV trên phạm vi toàn quốc, như: Hội nghị khu vực phía Bắc, phía Nam, khu vực miền Trung; Hội nghị quán triệt triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV cấp trung ương diễn ra tại Hà Nội (ngày 19/9/2018).

Bên cạnh đó, thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang chủ trì xây dựng Đề án Mô hình Kinh tế chia sẻ ở Việt Nam, trình Thủ tướng Chính phủ vào quý 4/2018; xây dựng Đề án chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải thực hiện (Nghị quyết 01/NQ-CP), dự kiến trình vào cuối năm 2018.

c) Về phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân

Thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ giao về khuyến khích bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có công văn số 3391/BKHĐT-PTDN ngày 23/5/2018 về báo cáo phát triển bền vững khu vực doanh nghiệp tư nhân. Theo đó, ngày 13/9/2018, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 8769/VPCP-ĐMDN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các cơ quan; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm triển khai có hiệu quả các giải pháp được nêu tại Báo cáo phát triển bền vững

doanh nghiệp khu vực tư nhân.

d) Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Ngày 17/4/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định 57/2018/NĐ-CP về cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã có những quy định mang tính đột phá về cải cách thủ tục hành chính: quy định quy trình đầu tư, hỗ trợ và nghiệm thu cụ thể, minh bạch. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Ngày 30/7/2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Chính phủ giao chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Lâm Đồng, các Bộ, ngành, địa phương và các hiệp hội doanh nghiệp và doanh nghiệp tổ chức thành công Hội nghị toàn quốc “Thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp”. Hội nghị được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá là Hội nghị lớn nhất, quan trọng nhất đối với các doanh nghiệp về lĩnh vực nông nghiệp trong nhiều năm qua, được coi là “Hội nghị Diên Hồng cho ngành nông nghiệp”, thể hiện quyết tâm của Chính phủ đối với lĩnh vực trọng yếu này.

Tại văn bản số 318/TB-VPCP ngày 27/8/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị “Thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp” đã đề ra một loạt các giải pháp cụ thể như: Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm mạnh các rào cản về điều kiện kinh doanh trong nông nghiệp, tạo sức hấp dẫn doanh nghiệp; nâng cao chất lượng của công tác quy hoạch và quản lý tổ chức thực hiện quy hoạch trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; đổi mới cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến mở rộng thị trường; triển khai hiệu quả các chính sách ưu đãi tín dụng, đặc biệt đối với các dự án nông nghiệp tạo giá trị gia tăng cao; hoàn thiện cơ chế hoạt động cho thị trường quyền sử dụng đất, tạo cơ chế để đồng bộ thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp phát triển v.v....

Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị quyết để triển khai ngay các giải pháp cụ thể nhằm khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững.

e) Một số định hướng giải pháp tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhằm khắc phục những điểm bất hợp lý, chưa rõ ràng, chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn và khác nhau trong các nội dung có liên quan đến đầu tư, kinh doanh; hướng dẫn, theo dõi việc áp dụng khung khổ pháp lý

trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh, kịp thời giải quyết những vướng mắc, đảm bảo tính hiệu quả và phát huy tối đa tinh thần cải cách của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư; thống nhất việc đăng ký thành lập doanh nghiệp thực hiện tại một đầu mối duy nhất là cơ quan đăng ký kinh doanh, góp phần đảm bảo quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, tạo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp ngay từ khâu gia nhập thị trường;

Thứ hai, tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và khu vực doanh nghiệp, tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đã đề ra tại Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo, với mục tiêu tạo ra điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa các chi phí khởi sự kinh doanh; Khuyến khích sử dụng dịch vụ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử;

Thứ ba, hoàn thành việc bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh; kiến nghị bãi bỏ một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư; có giải pháp ngăn chặn các chi phí không chính thức cho doanh nghiệp;

Thứ tư, tăng cường công tác hậu kiểm sau đăng ký thành lập doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý nhà nước cần nhận thức rõ trách nhiệm trong công tác hậu kiểm của mình, phối hợp tốt với các cơ quan: cơ quan đăng ký kinh doanh, thuế, công an... Theo đó, các bộ, cơ quan quản lý chuyên ngành chức năng có nhiệm vụ hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện quy định pháp luật trong từng lĩnh vực cụ thể; xây dựng quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước của mình để doanh nghiệp thuận lợi trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực mình quản lý. Đồng thời, các địa phương cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương trong việc xây dựng, ban hành cơ chế chính sách, pháp luật về hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về doanh nghiệp.

4. Huy động nguồn lực thông qua hợp tác công tư; sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA

a) Hoàn thiện thể chế hình thức đầu tư hợp tác công - tư

- Về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 15/2015/NĐ-CP về PPP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP thay thế Nghị định 15/2015/NĐ-CP. Nhiều điểm mới tại Nghị định số

63/2018/NĐ-CP được kỳ vọng sẽ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án PPP thời gian qua, mở ra nhiều khả năng hiện thực hóa và thúc đẩy mạnh mẽ hình thức đầu tư này trong thời gian tới. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định 63 nêu trên trên cơ sở hợp nhất các Thông tư 02/2016/TT-BKHĐT hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP và Thông tư 06/2016/TT-BKHĐT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. Thông tư dự kiến sẽ được ban hành trong Quý IV/2018.

- Về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 30/2015/NĐ-CP về lựa chọn nhà đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 30/2015/NĐ-CP tại Tờ trình số 52/TTr-BKHĐT ngày 03/01/2018. Đến nay, bản dự thảo cuối đã được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký khóa đuôi, trình Chính phủ ký ban hành. Nội dung dự thảo Nghị định được xây dựng phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn cũng như đảm bảo thống nhất với quy định mới tại Nghị định 63/2018/NĐ-CP.

- Về xây dựng Luật PPP: Tại Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 4 năm 2018, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, ý kiến thẩm tra của Văn phòng Chính phủ, hoàn thiện Đề nghị xây dựng dự án Luật này; phối hợp với Bộ Tư pháp để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, bổ sung dự án Luật này vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019. Xây dựng, hoàn thiện dự án Luật, trình Quốc hội khóa XIV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 và xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 8. Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội sớm bổ sung Dự án Luật vào chương trình xây dựng Luật, pháp luật của Quốc hội.

b) Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn vốn ODA

Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 132/NĐ-CP ngày 01/10/2018 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để phù hợp với quy định của Luật quản lý nợ công năm 2017 và quy định pháp luật khác có liên quan.

Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng Báo cáo cập nhật định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn 2021-2025; đã có báo cáo số 5355/BKHĐT-KTĐN ngày 03/8/2018 và hoàn thiện dự thảo quyết định của Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2018 – 2020, tầm nhìn 2021-2025. Với mục tiêu là: (i) tập trung xử lý các vướng mắc, thúc đẩy giải ngân và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đã được ký kết; (ii) tiếp tục lựa chọn và chuẩn bị các dự án đầu tư công tốt (dựa trên hiệu quả kinh tế-xã hội, tài chính), sẽ giải ngân sau 2020 để đảm bảo sự liên tục, không bị sụt giảm đột ngột vốn đầu tư phát triển giai đoạn sau 2020. Tuy nhiên cần phải sàng lọc, lựa chọn các dự án tốt, hiệu quả để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đồng thời đảm bảo không vượt trần bội chi ngân sách và các chỉ tiêu an toàn nợ công do Quốc hội phê duyệt; (iii) tập trung sử dụng vốn vay vào một số lĩnh vực chủ chốt, các công trình trọng điểm thực sự quan trọng, có tác dụng lan tỏa rộng, có tính chất kết nối liên vùng, tạo động lực phát triển vùng, miền và cần thẩm định, đánh giá dự án một cách chặt chẽ, khách quan, minh bạch để tăng cường hiệu quả sử dụng vốn vay nước ngoài...

5. Đánh giá toàn diện về thu hút đầu tư nước ngoài

Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì xây dựng Đề án "*Định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài đến năm 2030*", đã gửi xin ý kiến rộng rãi và tiếp tục hoàn thiện trình Bộ Chính trị trong thời gian tới. Đề án dự kiến gồm các nội dung về đánh giá kết quả 30 năm thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về đầu tư nước ngoài (ĐTNN), đóng góp của khu vực ĐTNN đối với nền kinh tế, nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế và rút ra bài học kinh nghiệm; đồng thời các phân tích về bối cảnh quốc tế và trong nước, đặc biệt là xu hướng của các dòng vốn trên thế giới và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0), từ đó đề xuất quan điểm, mục tiêu, định hướng và nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng thu hút, sử dụng và quản lý ĐTNN đến năm 2030.

Có thể khái quát một số mặt được và chưa được của ĐTNN như sau:

a) Mặt được

- Vốn: Tạo ra phương thức hay còn gọi là kênh thu hút đầu tư mới để bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời khơi dậy và phát huy hiệu quả việc sử dụng các nguồn lực trong nước. Tỷ trọng vốn ĐTNN trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội duy trì ở mức khoảng 18-25% trong giai đoạn 1991 - 2017. Mức đóng góp của khu vực ĐTNN vào GDP đã tăng từ 9,3% năm 1995 lên 19,6% năm 2017.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Cùng với thúc đẩy tăng trưởng, ĐTNN đã góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hiện nay, 58,2% vốn ĐTNN tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, tạo

ra trên 50% giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế, như viễn thông, dầu khí, điện tử, công nghệ thông tin..., tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng trong dài hạn.

- Xuất khẩu: ĐTNN đã góp phần quan trọng vào tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam, năm 2017 ĐTNN chiếm 72,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Khu vực ĐTNN luôn xuất siêu, bù đắp phần nhập siêu của khu vực trong nước, hạn chế thâm hụt thương mại, dẫn đến xuất siêu cho nền kinh tế. Xuất siêu của khu vực có vốn ĐTNN đã đạt gần 24,7 tỷ USD năm 2017 dẫn đến thặng dư thương mại tổng thể khoảng 2-3 tỷ USD.

- Ngân sách nhà nước: Khu vực ĐTNN cũng đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách, Riêng năm 2017, khu vực ĐTNN đóng góp gần 8 tỷ USD, chiếm 17% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Lao động: ĐTNN đã tạo nhiều việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực. Lao động làm việc trực tiếp trong khu vực ĐTNN đã tăng từ 330 nghìn người năm 1995 lên khoảng 3,6 triệu người năm 2017, cùng với khoảng 5-6 triệu việc làm gián tiếp. Doanh nghiệp ĐTNN cũng đi tiên phong trong đào tạo, nâng cao trình độ và tác phong công nghiệp của đội ngũ công nhân, kỹ thuật viên, cán bộ quản lý.

- Công nghiệp: Nâng cao trình độ tiếp nhận công nghệ của nền kinh tế, đồng thời FDI còn tạo sức ép để nhiều doanh nghiệp trong nước phải chủ động đổi mới công nghệ, thiết bị để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Hội nhập: Góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, mở rộng quan hệ với các nước, cũng như nâng cao vị trí, vai trò của Việt Nam trên thế giới và khu vực.

- Thể chế: ĐTNN đã góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, thúc đẩy cải cách và cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

b) Tồn tại, hạn chế

- Tuy ĐTNN đã khơi dậy các nguồn lực đầu tư, thúc đẩy sản xuất trong nước. Tuy nhiên việc liên kết và hiệu ứng lan tỏa năng suất của khu vực ĐTNN đến khu vực trong nước còn thấp. Nhiều dự án ĐTNN tập trung vào công đoạn gia công, lắp ráp; tỷ lệ nội địa hóa trong một số ngành công nghiệp ở mức dưới trung bình. Các doanh nghiệp ĐTNN và doanh nghiệp trong nước còn thiếu sự liên kết chặt chẽ để cùng phát triển.

- Thu hút và chuyển giao công nghệ từ khu vực ĐTNN chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng.

- Thu hút ĐTNN vào một số ngành, lĩnh vực như nông nghiệp, kết cấu

hạ tầng, giáo dục đào tạo, y tế... và từ các tập đoàn đa quốc gia còn hạn chế.

- Còn có hiện tượng một số doanh nghiệp chuyển giá, trốn thuế hoặc chưa nghiêm túc thực hiện quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

- Hiệu quả sử dụng đất của nhiều dự án ĐTNN chưa cao một mặt do nhà đầu tư khai tăng tổng mức đầu tư để được sử dụng nhiều đất, mặt khác do hạn chế về năng lực của cán bộ tại địa phương.

- Tại một số địa phương, việc thu hút và sử dụng ĐTNN nhưng chưa tính toán đầy đủ, toàn diện các yếu tố liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Việc chấp hành pháp luật về lao động tại một số doanh nghiệp ĐTNN chưa nghiêm, trong đó có việc sử dụng lao động nước ngoài; tình trạng đình công không theo trình tự pháp luật quy định, tranh chấp lao động trong khu vực ĐTNN có xu hướng tăng.

c) Một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút và phát huy hiệu quả của ĐTNN đến năm 2030

Việt Nam cần thay đổi chiến lược, chính sách để duy trì năng lực cạnh tranh trong thu hút ĐTNN, bảo đảm tiếp nhận và sử dụng dự án có chất lượng, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế xã hội cao hơn, bằng những giải pháp chủ yếu:

(1) Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội về vị trí, vai trò của ĐTNN trong nền kinh tế.

(2) Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, điều hành lãi suất, tỷ giá linh hoạt, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế để tạo niềm tin cho nhà ĐTNN. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để thu hút và sử dụng ĐTNN có hiệu quả.

(3) Hình thành đầy đủ và đảm bảo vận hành hiệu quả các loại thị trường, đặc biệt là các thị trường liên quan trực tiếp đến ĐTNN (thị trường bất động sản, khoa học công nghệ..). Từng bước tháo bỏ rào cản gia nhập thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài trong những ngành, lĩnh vực mà Việt Nam không còn nhu cầu bảo hộ.

(4) Xây dựng chiến lược để thúc đẩy doanh nghiệp trong nước tham gia liên doanh, liên kết đặc biệt là doanh nghiệp có dự án hoạt động trong những ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, công nghệ mới để tiếp cận công nghệ, kỹ năng quản lý tiên tiến hiện đại, dần tiến đến sở hữu dự án/doanh nghiệp và từ đó phát triển công nghệ.

(5) Chủ động chuẩn bị tốt các yếu tố đầu vào như đất đai, cơ sở hạ tầng. Phát triển một thị trường lao động cạnh tranh với nguồn nhân lực có kỹ

năng, tay nghề cao trong bối cảnh CMCN 4.0.

(6) Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn về khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trong thu hút và sử dụng ĐTNN. Kiểm soát chặt chẽ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp ĐTNN. Quản lý chặt chẽ, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả diện tích đất doanh nghiệp ĐTNN được giao, cho thuê.

(7) Hoàn thiện luật pháp, chính sách nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hoàn thiện thị trường khoa học và công nghệ, phát triển các tổ chức trung gian, sàn giao dịch công nghệ quốc gia và địa phương; ưu đãi đầu tư cho đổi mới công nghệ; tăng cường luật pháp về quyền sở hữu trí tuệ thích ứng với nhu cầu của doanh nghiệp.

(8) Hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách liên quan đầu tư, theo hướng vừa mang tính cạnh tranh vừa phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển Việt Nam trong giai đoạn tới. rà soát, cập nhật các cam kết quốc tế về bảo hộ đầu tư trong các FTA thế hệ mới để sửa đổi, bổ sung luật pháp và thực hiện nghiêm túc.

(9) Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ĐTNN. Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương; tăng cường công tác thanh tra, giám sát, định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động ĐTNN; kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước về ĐTNN theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả, tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về ĐTNN ở trung ương và địa phương.

(10) Tạo cơ chế kết nối các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; điều chỉnh hoạt động xúc tiến ĐTNN theo hướng thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, mang tầm quốc gia và thể hiện tính liên ngành, liên vùng, gắn với các thị trường, đối tác đầu tư và dự án cụ thể.

6. Về đẩy mạnh đầu tư cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng chịu nhiều thiệt hại do biến đổi khí hậu, ưu tiên nguồn vốn để hỗ trợ cho người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội

a) Về chính sách đẩy mạnh đầu tư cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo

Các Bộ, ngành đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định: số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 (291 xã thuộc 23 tỉnh); Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 (2.139 xã đặc biệt khó

khăn, xã biên giới, xã an toàn khu của 46 tỉnh); Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 7/3/2018 phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020 (85 huyện được hưởng chính sách hỗ trợ giai đoạn 2018-2020) và ủy quyền cho Chủ nhiệm, Bộ trưởng Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 (danh sách 3.973 thôn đặc biệt khó khăn của 48 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Đây chính là cơ sở quan trọng để các Bộ, ngành phân khai nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho các địa bàn khó khăn, vùng dân tộc và miền núi. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với Bộ Lao động Thương binh và xã hội, Ủy ban Dân tộc tiến hành rà soát, phân bổ nguồn vốn kế hoạch 2017, 2018 và kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa phân bổ cho các đối tượng chính sách này.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 về phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản tham mưu Chính phủ về cân đối nguồn lực thực hiện. Tại Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 6/2018 số 90/NQ-CP ngày 10/7/2018, Chính phủ đã thống nhất: Bộ Tài chính rà soát kỹ phương án, để cân đối, bổ sung một phần kinh phí chi thường xuyên cho các địa phương thực hiện các Quyết định số 2085/QĐ-TTg và Quyết định số 2086/QĐ-TTg, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 7 năm 2018 trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định. Giao ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các địa phương rà soát, xác định nhu cầu vốn. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc đề xuất mức hỗ trợ cụ thể và tổng hợp vào phương án sử dụng dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định, cân đối ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động khác.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 965/QĐ-TTg ngày 07/8/2018 sửa đổi Điều 3 Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các huyện nghèo, huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020.

b) Đầu tư theo các Chương trình mục tiêu quốc gia

Theo báo cáo của các Bộ, chủ Chương trình MTQG và các địa

phương: trong năm 2017 cả nước đã bố trí: 15.231 tỷ đồng ngân sách Trung ương, 36.544 tỷ đồng ngân sách địa phương và huy động được 55.114 tỷ đồng từ nguồn vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội cho đầu tư, huy động được hơn 64.233 tỷ đồng từ các tổ chức, doanh nghiệp cùng với ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Bên cạnh đó, thông qua các hệ thống tín dụng đã ghi nhận dư nợ tín dụng tăng thêm năm 2017 của các tổ chức tín dụng trên địa bàn các xã đạt 145.309 tỷ đồng. Phần tăng thêm này được bổ sung cho vay đầu tư thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Kế hoạch 2018, nguồn kinh phí từ Ngân sách trung ương bố trí thực hiện 02 Chương trình MTQG là 15.613 tỷ đồng (cao hơn so với năm 2015), trong đó: vốn đầu tư phát triển là 11.035 tỷ đồng, chiếm 71% kinh phí của các Chương trình.

c) Về chính sách đầu tư hỗ trợ cho người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội

Trong năm 2017, 2018 ngân sách Trung ương đã bố trí toàn bộ kinh phí thực hiện các đối tượng được thụ hưởng chính sách trong giai đoạn 2016-2020 là: 8.228 tỷ đồng thực hiện Quyết định số 22/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Như vậy, trong năm 2018 có thể kết thúc nhiệm vụ này theo đúng Nghị quyết của Chính phủ.

d) Về chính sách đầu tư cho vùng chịu nhiều thiệt hại do biến đổi khí hậu

Trong năm 2017, 2018 ngân sách Trung ương đã bố trí từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương bị ảnh hưởng về thiên tai, hạn hán, đặc biệt là cơn bão 12 ở miền Trung, hỗ trợ gạo cho các hộ thiếu đói giáp hạt và ăn Tết, đồng thời hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã làm việc với các đối tác nước ngoài để thu hút thêm nguồn lực đầu tư cho vùng miền núi, dân tộc bị ảnh hưởng của thiên tai: ngoài những dự án đang thực hiện có những dự án mới sau: Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn của Chính phủ Ireland hỗ trợ không hoàn lại (12 triệu USD); Dự án sử dụng vốn vay ODA của WB: Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu long (385 triệu USD); Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng vốn vay ADB với tổng mức đầu tư (200 triệu USD),...

7. Về tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đầu tư công

a) Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đầu tư công

Trong các năm vừa qua, công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm

tra hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đều bám sát nhiệm vụ công tác trọng tâm của Bộ, định hướng công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ và thực hiện đúng tinh thần các nghị quyết của Chính phủ⁸.

Nội dung thanh tra, kiểm tra chủ yếu tập trung vào công tác quản lý nhà nước về đầu tư phát triển sử dụng nguồn vốn Nhà nước (đầu tư công) và chấp hành pháp luật về đầu tư công tại một số địa phương, theo đúng tinh thần Nghị quyết số 44/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội Khóa XIV về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 3 giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện: *“Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đầu tư công; làm rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm minh đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật, gây lãng phí, thất thoát trong đầu tư công”*.

Năm 2017, Thanh tra Bộ đã tiến hành 12 cuộc thanh tra việc thực hiện pháp luật về đầu tư công, gồm: 10 cuộc thanh tra việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và điều chỉnh tổng mức đầu tư; quá trình thực hiện dự án; việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản giai đoạn 2014-2016 tại các tỉnh: Thái Nguyên, Ninh Bình, Sơn La, Quảng Nam, Bắc Ninh, Khánh Hòa, Đắk Nông, Quảng Ngãi, Sóc Trăng và Cà Mau; 02 cuộc thanh tra công tác quản lý và thực hiện dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ đối với 03 dự án.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, Thanh tra Bộ đã tiến hành 07 cuộc thanh tra chuyên ngành về việc chấp hành pháp luật về đầu tư công giai đoạn 2015 - 2017 tại các tỉnh: Lai Châu, Đồng Tháp, Bến Tre, Bình Thuận, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và Lào Cai, trong đó đã kết thúc thanh tra tại 04 địa phương (Lai Châu, Đồng Tháp, Bến Tre và Bình Thuận), đang tiến hành thanh tra tại 03 địa phương.

Trong 2 năm 2017 và 2018, đã yêu cầu đối tượng thanh tra xuất toán; thu hồi, giảm trừ khi thanh, quyết toán và xử lý về mặt kinh tế với tổng số tiền là: 537.439.002.383 đồng (trong đó: thu về ngân sách Trung ương là: 25.492.388.550 đồng, thu về ngân sách địa phương là: 3.754.596.330 đồng, giảm trừ khi quyết toán là: 129.920.726.998 đồng, xử lý khác về mặt kinh tế: 378.901.290.505 đồng).

- b) Các nhiệm vụ, giải pháp tập trung triển khai thực hiện trong thời gian tới
- Tiếp tục triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch thanh

⁸ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017, Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017, Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017, Nghị quyết số 44/2017/QH14 ngày 21/6/2017, Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017.

tra, kiểm tra năm 2018 đã được phê duyệt. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Rà soát điều chỉnh Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2018 theo yêu cầu các nhiệm vụ công tác của Bộ được Chính phủ giao trong công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế-xã hội năm 2018.

- Thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư công, kiên quyết đấu tranh phòng, chống lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí.

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt công tác theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau thanh tra.

- Kiểm tra, hướng dẫn Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nội dung thanh tra chuyên ngành năm 2018, trong đó chú trọng thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công và xử lý nghiêm theo thẩm quyền các hành vi vi phạm.

8. Về hoàn thiện hồ sơ các dự án quan trọng quốc gia trình Quốc hội

Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhà nước 02 dự án quan trọng quốc gia, bao gồm:

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh, tuyến Metro số 5 giai đoạn 1 (ngã tư Bảy Hiền - cầu Sài Gòn):

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức nghiên cứu triển khai các nội dung dự thảo báo cáo thẩm định dự án. Tuy nhiên, đây là dự án có quy mô và tổng mức đầu tư lớn, kỹ thuật phức tạp, tại văn bản số 606/TTg-CN ngày 14/5/2018 Thủ tướng Chính phủ đã “đồng ý chủ trương thuê tư vấn nước ngoài hoặc liên danh tư vấn trong nước và tư vấn nước ngoài để thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án”, đồng thời “giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nhà nước quyết định việc lựa chọn tư vấn thẩm tra theo đúng quy định”.

Tháng 5/2018, Hội đồng thẩm định quốc gia đã có báo cáo thẩm định sơ bộ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án gửi Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tp. Hồ Chí Minh lập lại Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án và có kế hoạch lập lại Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án gửi Hội đồng thẩm định trước ngày 15/6/2018. Đến nay, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đang tiếp tục chuẩn bị báo cáo về kế hoạch lập lại Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định nêu trên.

b) Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 2469/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 17/4/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thẩm định Báo cáo

nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Theo đó, hồ sơ Dự án chưa đầy đủ, Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án còn một số tồn tại, chưa đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định đầu tư Dự án, Hội đồng thẩm định nhà nước thống nhất trình Thủ tướng Chính phủ chưa Báo cáo Thủ tướng Chính phủ Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án.

Ngày 30/7/2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được Tờ trình số 7648/TTr-UBND ngày 20/7/2018 (kèm Báo cáo NCKT Dự án hoàn thiện tháng 6 năm 2018) của UBND tỉnh Đồng Nai trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện thủ tục xin ý kiến các Thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước về nội dung Tờ trình số 7648/TTr-UBND ngày 20/7/2018 và Báo cáo NCKT Dự án theo quy định pháp luật. Ngày 27/9/2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 2796/BKHĐT-GSTĐĐT đôn đốc các Thành viên Hội đồng thẩm định có ý kiến, đến ngày 02/10/2018, còn 5/15 Thành viên Hội đồng chưa có ý kiến. Hội đồng thẩm định nhà nước sẽ khẩn trương hoàn thành Báo cáo kết quả thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án trong tháng 10/2018

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 55/2017/QH14 CỦA QUỐC HỘI VỀ CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN KỶ HỌP THỨ 4 QUỐC HỘI KHÓA XIV

Tại Nghị quyết số 55/2017/QH14 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV, đối với lĩnh vực thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân, trong đó đã giao: *“Chính phủ bố trí nguồn lực tài chính từ dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 để đầu tư cho việc xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan thi hành án cấp huyện trong hai năm 2018 - 2019 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định”*

1. Về tình hình thực hiện đầu tư phát triển các cơ quan tòa án

Căn cứ Nghị quyết 111/2015/QH13 của Quốc hội, nhằm thực hiện tốt mục tiêu Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị *“về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020”*, Chính phủ đã rất quan tâm, ưu tiên bố trí mức vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW, năm sau cao hơn năm trước và cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Chính phủ đã bố trí đủ vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cho các dự án xây dựng trụ sở của các cơ quan tư pháp cấp huyện chưa có trụ sở (tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017; và số 1291/QĐ-TTg ngày

21/8/2017); trong đó, có 35 Tòa án nhân dân cấp huyện (14 dự án đã thực hiện khởi công mới trong năm 2016; 19 dự án khởi công mới năm 2018; còn lại 02 dự án dự kiến khởi công mới trong năm 2019).

2. Chỉ đạo của Chính phủ về sử dụng nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 đối với các công trình đầu tư của Tòa án nhân dân tối cao

Tại Thông báo số 206/TB-VPCP ngày 05 tháng 6 năm 2018 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp đánh giá việc thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Chính phủ với Tòa án nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ đã kết luận: Về bố trí vốn để sớm hoàn thiện việc đầu tư xây dựng các trụ sở Tòa án nhân dân cấp huyện chưa có trụ sở đang phải đi thuê nơi làm việc:

- Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao tập trung thực hiện và giải ngân số vốn đã được giao kế hoạch hàng năm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020, đảm bảo hiệu quả đầu tư;

- Đồng ý chủ trương sử dụng nguồn dự phòng (10%) kế hoạch kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 của Tòa án nhân dân tối cao để đầu tư hoàn thành dứt điểm trước năm 2020 trụ sở các Tòa án nhân dân cấp huyện hiện đang phải đi thuê, mượn nơi làm việc. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Tòa án nhân dân tối cao thực hiện bổ sung vốn cho các dự án theo đúng quy định; đề xuất nguồn bổ sung vốn nếu còn thiếu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

III. ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM TRẢ LỜI CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Những nội dung chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri đã cung cấp nhiều thông tin hữu ích, giúp Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tham mưu Quốc hội, Chính phủ trong công tác xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế chính sách, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ tham mưu tổng hợp về phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước về kế hoạch, đầu tư và thống kê.

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tích cực triển khai thực hiện và giải quyết những nội dung đã ghi nhận xử lý, như: hoàn thiện đề án tái cơ cấu nền kinh tế; rà soát và kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong lập và xây dựng kế hoạch đầu tư công; đổi mới cơ chế chính sách quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia; ban hành nhiều cơ chế chính sách đẩy mạnh phát triển kinh tế

tư nhân; đổi mới công tác quản lý đầu thầu; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài; chấn chỉnh công tác quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của khu kinh tế, khu công nghiệp; tham mưu các giải pháp lớn trong sắp xếp, đổi mới, nâng hiệu quả doanh nghiệp nhà nước...

Bộ Kế hoạch và Đầu tư luôn quán triệt, vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Bộ, cố gắng đổi mới, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, chiến lược, các khâu trọng yếu có ý nghĩa đột phá, qua đó đã từng bước giải quyết những khó khăn, tháo gỡ vướng mắc, khắc phục những hạn chế và đã đạt những kết quả tích cực về tham mưu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tái cơ cấu đầu tư công; kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế; đầu tư trực tiếp nước ngoài; quản lý khu kinh tế; thông kê; nghiên cứu, xây dựng thể chế, chính sách quản lý kinh tế.

Chính phủ trân trọng báo cáo các vị đại biểu Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội về tình hình thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kính báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của QH;
- Thủ tướng Chính phủ và các PTTgCP;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Ban Dân nguyện;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội: Vụ PVHĐGS; HC (5b);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Bộ KHĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị (2);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý của TTg và các Phó TTg, các Cục, Vụ: KSTT, KGVX, TKBT, Công TTĐTCP;
- Lưu VT, QHĐP (3b).NQ 60

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**



Nguyễn Chí Dũng

